TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2023/QĐST-HNGĐ	*Q , ngày 29 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q , T

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:*

+ Anh Phạm Văn T ; Sinh năm 1977

+ Lại Thị T ; Sinh năm 1982

Đều có địa chỉ: Bản C , xã T , huyện Q , tỉnh T

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Anh Phạm Văn T và chị Lại Thị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn; nơi cư trú của các đương sự tại huyện Q , tỉnh T nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q , tỉnh T theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của anh Phạm Văn T và chị Lại Thị T và Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 12/02/1998, tại UBND xã

M , huyện M , tỉnh H cấp, đủ cơ sở kết luận: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn T và chị Lại Thị T là hợp pháp.

Anh Phạm Văn T và chị Lại Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/02/1998, tại UBND xã M , huyện M , tỉnh Hòa Bình. vợ chồng cùng chung sống hòa thuận tại xóm H (Nay là xóm M) xã M , huyện M , tỉnh H . Năm 2004 chuyển đến sinh sống tại bản C , xã T , huyện Q , tỉnh T .

Trong quá trình chung sống đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không thông cảm được cho nhau trong cuộc sống, mặc dù đã được gia đình nội ngoại dàn xếp hòa giải nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh T và chị T yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy, anh T và chị T đã thực sự tự nguyện ly hôn, nên chấp nhận yêu cầu của anh chị, công nhận thuận tình ly hôn của anh T và chị T theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con: Các đương có 03 con chung, các cháu đã đủ 18 tuổi và trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

[4]. Về tài sản và các vấn đề khác: không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Toà án: Anh Phạm Văn T và chị Lại Thị T thoả thuận, chị Tuyển nộp toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/5/2023, Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con; không chia tài sản chung; việc chịu lệ phí dân sự sơ thẩm. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con. Các đương sự đều yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Vì vậy, có đủ điều kiện để công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Lại Thị T thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân của anh T , chị T chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về các vấn đề khác: Giấy chứng nhận kết hôn số: 04 ngày 12/02/1998, của UBND xã M , huyện M , tỉnh H hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị T nộp lệ phí việc HN&GĐ sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai số: AA/2021/0012871 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa. Chị T đã nộp đủ lệ phí HN&GĐ sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
- TAND tỉnh T ;
- VKSND huyện Q (03 bản);
- Chi cục THADS huyện Q ;
- UBND xã M , H. M ;
- UBND xã T , H. Q ;
- Lưu hồ sơ việc HN&GĐ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh